TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PH** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2022/DS-ST
Ngày: 09/5/2022
"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Nhật.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Minh Trung;

2. Bà Phan Thị Thúy Hằng.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Rum Ba – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Đình Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 65/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A; Địa chỉ: K, phường N, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hứa Văn N – Chức vụ: Nhân viên (Theo Giấy ủy quyền số 771/UQ-QLN.21 ngày 06/7/2021 của Giám đốc Phòng Quản lý nợ). Có mặt.

Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Văn T – Sinh năm: 1973, bà Nguyễn Thị Thanh B – Sinh năm: 1975; Địa chỉ: Thôn PN, xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 06/7/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Căn cứ vào các Hợp đồng cấp tín dụng số PHY.CN.171.071217 ngày 08/12/2017 và Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số PHY.CN.159.071217 đã ký giữa Ngân hàng và vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh B thì Ngân hàng có cho vợ chồng ông T, bà B vay số tiền

300.000.000đ, mục đích vay là tiêu dùng – mua sắm vật dụng sinh hoạt gia đình, phương thức cho vay là vay từng lần, thời hạn giải ngân 06 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu, lãi suất trong hạn 9,7%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi trong hạn, lãi suất phạt chậm trả 10%/năm. Tính đến ngày 09/5/2022 vợ chồng ông T, bà B còn nợ Ngân hàng tổng số nợ 282.407.622đ, trong đó nợ gốc là 221.000.000đ, lãi trong hạn 24.612.442đ, lãi quá hạn 32.757.309đ, phạt lãi chậm trả 4.037.871đ.

Do vợ chồng ông T, bà B vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T, bà B phải trả cho Ngân hàng tổng số nợ tính đến ngày 09/5/2022 là 282.407.622đ, trong đó nợ gốc là 221.000.000đ, lãi trong hạn 24.612.442đ, lãi quá hạn 32.757.309đ, phạt lãi chậm trả 4.037.871đ.

Nếu vợ chồng ông T, bà B không trả hết các khoản nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền phát mãi các tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích đất 124m2, số thửa 1229, tờ bản đồ 348B, tọa lạc thôn PN, xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX583442, số vào sổ cấp GCN CH 00069 do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện PH cấp cho ông Nguyễn Thái N, sinh năm 1935, trú thôn PN, xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên ngày 27/4/2015 đã tặng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh B theo hồ sơ số 010159.TA.001 ngày 01/6/2015 (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PHY.BĐCN.57.071217 ngày 08/12/2017 và cam kết thế chấp tài sản ngày 08/12/2017) để thu hồi các khoản nợ nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh B trình bày: Vợ chồng ông T, bà B thống nhất với lời trình bày của đại diện Ngân hàng về việc vợ chồng ông T bà B có ký với Ngân hàng Hợp đồng cấp tín dụng, Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng, thế chấp tài sản để vay vốn và xác nhận đến ngày 09/5/2022 vợ chồng ông T, bà B còn nợ Ngân hàng tổng số nợ là 282.407.622đ, trong đó nợ gốc là 221.000.000đ, lãi trong hạn 24.612.442đ, lãi quá hạn 32.757.309, phạt lãi chậm trả 4.037.871đ. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, làm ăn thất bại nên vợ chồng ông T, bà B xin được trả dần mỗi tháng 2.500.000đ cho đến khi trả hết số nợ trên cho Ngân hàng.

Nếu chồng ông T, bà B không trả hết các khoản nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền phát mãi các tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích đất 124m2, số thửa 1229, tờ bản đồ 348B, tọa lạc thôn PN, xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX583442, số vào sổ cấp GCN CH 00069 do UBND huyện PH cấp cho ông Nguyễn Thái N, sinh năm 1935, trú thôn thôn PN, xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên ngày 27/4/2015 đã tặng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh B theo hồ sơ số 010159.TA.001 ngày 01/6/2015 (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PHY.BĐCN.57.071217 ngày 08/12/2017 và cam kết thế chấp tài sản ngày 08/12/2017) để thu hồi các khoản nợ.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 31/12/2021, diện tích đất trong hợp đồng thế chấp là 124m2, số thửa 1229, tờ bản đồ 348B, tọa lạc thôn PN, xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên phía đông giáp nhà đất ông Nguyễn Thái Đ, phía tây giáp nhà đất ông Nguyễn G, phía nam giáp nhà đất ông Trần Xuân L, phía bắc giáp nhà ông Nguyễn Thái N, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX583442, số vào sổ cấp GCN CH 00069 do UBND huyện PH cấp cho ông Nguyễn Thái N, sinh năm 1935, trú thôn PN, xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên ngày 27/4/2015 đã tặng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh B theo hồ sơ số 010159.TA.001 ngày 01/6/2015. Diện tích đất này ông N đã cho ông T, bà B bằng lời nói vào năm 2010, đến năm 2015 mới làm thủ tục tặng cho trên giấy tờ. Trên diện tích đất đã thế chấp có 01 ngôi nhà cấp 4 tường xây gạch, nền lát gạch ceramic (40x40) cm, mái lợp ngói và các công trình phụ gồm nhà vệ sinh được xây dựng vào năm 2010 thuộc quyền sở hữu của ông T, bà B, ngoài ra trên đất không có tài sản nào khác.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký là đúng thủ tục tố tụng. Xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách người tham gia tố tụng; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định pháp luật. Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A buộc vợ chồng ông T, bà B phải trả cho Ngân hàng tổng số nợ là 282.407.622đ, trong đó nợ gốc là 221.000.000đ, lãi trong hạn 24.612.442đ, lãi quá hạn 32.757.309đ, phạt lãi chậm trả 4.037.871đ, nếu vợ chồng ông T, bà B không trả hết nợ gốc và lãi nêu trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích đất 124m2, số thửa 1229, tờ bản đồ 348B, tọa lạc thôn PN, xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX583442, số vào sổ cấp GCN CH 00069 do UBND huyện PH cấp cho ông Nguyễn Thái N, sinh năm 1935, trú thôn PN, xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên ngày 27/4/2015 đã tặng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh B theo hồ sơ số 010159.TA.001 ngày 01/6/2015 để thu hồi khoản nợ trên. Về án phí: Vợ chồng ông T, bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa của những người tham gia tố tụng, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án, HĐXX nhận định:

[1] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Hợp đồng cấp tín dụng số PHY.CN.171.071217 ngày 08/12/2017 và Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số PHY.CN.159.071217 đã ký giữa Ngân hàng và vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh B thì Ngân hàng có cho vợ chồng ông T, bà B vay số tiền 300.000.000đ, mục đích vay là tiêu dùng – mua sắm vật

dụng sinh hoạt gia đình, phương thức cho vay là vay từng lần, thời hạn giải ngân 06 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu, lãi suất trong hạn 9,7%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi trong hạn, lãi suất phạt chậm trả 10%/năm. Tính đến ngày 09/5/2022 vợ chồng ông T, bà B còn nợ Ngân hàng tổng số nợ là 282.407.622đ, trong đó nợ gốc là 221.000.000đ, lãi trong hạn 24.612.442đ, lãi quá hạn 32.757.309đ, phạt lãi chậm trả 4.037.871đ. Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên thì vợ chồng ông T, bà B có thế chấp quyền sử dụng diện tích đất 124m2, số thửa 1229, tờ bản đồ 348B, tọa lạc thôn PN, xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX583442, số vào sổ cấp GCN CH 00069 do UBND huyện PH cấp cho ông Nguyễn Thái N, sinh năm 1935, trú thôn PN, xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên ngày 27/4/2015 đã tặng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh B theo hồ sơ số 010159.TA.001 ngày 01/6/2015 (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PHY.BĐCN.57.071217 ngày 08/12/2017 và cam kết thế chấp tài sản ngày 08/12/2017).

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn thống nhất với nội dung khởi kiện của Ngân hàng. Do đó, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn, vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh B phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số nợ là 282.407.622đ tính đến ngày 09/5/2022.

Về phương thức trả nợ: Vợ chồng ông T, bà B xin trả dần mỗi tháng 2.500.000đ cho đến khi trả hết số nợ nhưng Ngân hàng không thống nhất, do đó khi án có hiệu lực pháp luật Ngân hàng được quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

[2] Về án phí: Bị đơn vợ chồng ông T, bà B có hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận nên được giảm ½ án phí nên phải chịu 7.060.190đ (làm tròn số 7.060.000đ) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Vợ chồng ông T, bà B phải chịu 2.000.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, Ngân hàng đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000đ (theo biên bản giao nhận ngày 16/12/2021) nên vợ chồng ông T, bà B phải trả lại cho Ngân hàng 2.000.000đ.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 211 và khoản 1 Điều 212 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh B phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A tổng số nợ là 282.407.622đ (*Hai trăm tám mươi hai triệu bốn trăm lẻ bảy nghìn sáu trăm hai mươi hai đồng*) trong đó nợ gốc là 221.000.000đ (*Hai trăm hai mươi mốt triệu đồng*), lãi trong hạn 24.612.442đ (*Hai mươi bốn triệu sáu trăm mười hai nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng*), lãi quá hạn 32.757.309đ (*Ba mươi hai triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn ba trăm lẻ chín đồng*), phạt lãi chậm trả 4.037.871đ (*Bốn triệu không trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm bảy mươi mốt đồng*) (tính đến ngày 09/5/2022).

Trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh B không trả hết các khoản nợ trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích đất 124m2, số thửa 1229, tờ bản đồ 348B, tọa lạc thôn PN, xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX583442, số vào sổ cấp GCN CH 00069 do Ủy ban nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên cấp cho ông Nguyễn Thái N, sinh năm 1935, trú thôn PN, xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên ngày 27/4/2015 đã tặng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh B theo hồ sơ số 010159.TA.001 ngày 01/6/2015 và 01 ngôi nhà cấp 4 tường xây gạch, nền lát gạch ceramic (40x40) cm, mái lợp ngói và các công trình phụ gồm nhà vệ sinh được xây dựng vào năm 2010 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh B để đảm bảo thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh B phải chịu 7.060.000đ (*Bảy triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí 6.611.000đ (*Sáu triệu sáu trăm mười một nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004222 ngày 15/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PH, tỉnh Phú Yên.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh B phải chịu 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000đ (theo biên bản giao nhận ngày 16/12/2021) nên vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh B phải trả lại cho Ngân hàng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 09/5/2022 vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh B còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo như mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà vợ chồng ông T, bà B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND.H. PH;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- THADS.H. PH;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Minh Nhật